

Số: 34/2026/QĐST-HNGĐ

Hải Phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 59/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Trà G, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số 6A đường Đ, phường N, thành phố Hải Phòng.

- Anh Lê Thanh N, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: Số 34/11 đường H, phường H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 5/44 T, phường L, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh T kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Cầu Tre, quận N, Hải Phòng năm 2011, do vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét việc thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh N được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận chị Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh N có một con chung: Lê Thanh Trà, sinh ngày 02/5/2011. Ly hôn, chị T Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh N thống nhất anh Lê Thanh N trực tiếp nuôi con chung Lê Thanh Trà cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người không

trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh N tự thỏa thuận, không cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của anh chị là đúng quy định pháp luật, hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh N mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002703 ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh N thuận tình ly hôn.

Về việc nuôi con: Giao con chung Lê Thanh Trà, sinh ngày 02/5/2011 cho anh Lê Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh N tự thỏa thuận, không cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh N mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002703 ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Trà G và anh Lê Thanh N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 3 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Cầu Tre, N (nay là phường N), Hải Phòng (ĐKKH ngày số 027/2011 ngày 16/3/2011);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Định